

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2018/HNGĐ-ST

Ngày 14 – 9 – 2018

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Hải Âu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 174/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Kim D, sinh năm 1980. Cư trú tại: Ấp N, xã N1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng D1, sinh năm 1980. Cư trú tại: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của chị Trần Kim D thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoàng D1 kết hôn vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống, do bất đồng quan điểm dẫn đến ly thân cách nay hơn 15 năm. Nay chị nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, thời gian ly thân đã lâu và quan hệ hôn nhân của anh, chị không được pháp luật thừa nhận nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D1.

Về con: Chị và anh D1 có 01 người con chung tên Nguyễn Vũ K do anh D1 đang nuôi dưỡng.

Khi làm đơn khởi kiện, chị thống nhất giao Vũ K cho anh D1 nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra. Tại phiên tòa, chị rút lại yêu cầu này và sẽ tự thỏa thuận việc nuôi con với anh D1 sau khi ly hôn.

Về tài sản và nợ: Không có.

* *Đối với anh Nguyễn Hoàng D1:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị D, nhưng anh D1 không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Hoàng D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D1 là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân:

Chị Trần Kim D và anh D1 kết hôn vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống, do bất đồng quan điểm dẫn đến ly thân cách nay hơn 15 năm.

Với nguyên nhân trên, chị D nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được và thời gian ly thân đã lâu nên yêu cầu được ly hôn với anh D1. Anh D1 không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân và yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D thấy rằng: Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*.

Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị D yêu cầu xin ly hôn với anh D1 mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh D1 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con:

Chị D và anh D1 có 01 người con chung tên Nguyễn Vũ K. Khi khởi kiện chị D thống nhất giao Vũ K cho anh D1 nuôi dưỡng, tại phiên tòa chị D rút lại yêu cầu này để thỏa thuận với anh D1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, việc rút lại yêu cầu giải quyết việc nuôi con sau khi ly hôn của chị D là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật trong khi anh D1 không có ý kiến gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này của chị D. Trường hợp có phát sinh về tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng sau khi ly hôn sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản và nợ:

Chị D xác định không có; anh D1 không có ý kiến gì về các vấn đề này nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Kim D và anh Nguyễn Hoàng D1.

- Đình chỉ yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung sau khi ly hôn giữa chị D với anh D1.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010149 ngày 16/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị D đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn